UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3042/SXD-HTKT
V/v lấy ý kiến dự thảo Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 12 năm 2016

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Thành phố Huế;
- UBND thị xã Hương Thủy, Hương Trà;
- UBND các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, Nam Đông, A Lưới;
- Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Huế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo theo văn bản số 7922/UBND-XD ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc lấy ý kiến dự thảo Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Các văn bản dự thảo của Bộ Xây dựng được đăng tại trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tại địa chỉ: https://sxd.thuathienhue.gov.vn/ để các cơ quan, đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Đề nghị quý cơ quan, đơn vị phối hợp và tham gia đóng góp ý kiến gửi về Sở Xây dựng (bằng văn bản đồng thời gửi thư điện tử) trước ngày 10/01/2017 để Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

File văn bản gửi về theo địa chỉ mail: ltmnhung.sxd@thuathienhue.gov.vn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GĐ và các PGĐ SXD;
- Lưu: PTĐT&HTKT, VP.

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Đại Viên

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7922 /UBND-XD	*Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 12 năm 2016*
V/v tham gia góp ý dự thảo Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	

Kính gửi: Sở Xây dựng

UBND tỉnh nhận được Công văn số 369/BXD-VP ngày 02/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Tờ trình và Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Sở Xây dựng phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý dự thảo; báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh theo yêu cầu tại Văn bản nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ XD;
- CT và các PCT;
- VP: LĐ;
- Lưu: VT, XD.

TL.CHỦ TỊCH
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Đã ký

Đặng Ngọc Trân

BỘ XÂY DỰNG

Số: 3693 /BXD-VP

V/v góp ý Tờ trình và Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
ĐẾN Số:
Ngày: 13/12/16
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

Bộ Xây dựng được Thủ tướng Chính phủ giao nghiên cứu điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 tại văn bản số 163/VPCP-TH ngày 27/01/2016.

Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến các Bộ, địa phương đánh giá về tình hình triển khai Chiến lược, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện Tờ trình và Dự thảo Quyết định Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Để có cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12/2016, Bộ Xây dựng đề nghị Quý cơ quan góp ý về Tờ trình và Dự thảo Điều chỉnh nêu trên và gửi về Bộ Xây dựng tổng hợp trước ngày ***20/12/2016***.

Trân trọng cám ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HTKT.

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Việt Hùng

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BXD	*Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016*

Dự thảo
01/12/2016

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016,Chính phủ giao Bộ Xây dựng nghiên cứu, đề xuất xây dựng Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Điều chỉnh Chiến lược 2009).

Thực hiện nhiệm vụ được giao, ngày 15/4/2016, Bộ Xây dựng đã có công văn số 674/BXD-HTKT gửi Ủy ban nhân dân các các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thông tin Truyền thông về việc rà soát, báo cáo đánh giá tình hìnhthực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Chiến lược 2009). Đến ngày 05/11/2016, Bộ Xây dựng đã nhận được 52/63báo cáo từ Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố và 07/9văn bản từ các Bộ (văn bản số:2396/BKHCN-CNN ngày 08/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ; 4174/BCT-ATMT ngày 17/5/2016 của Bộ Công Thương; 10608/BTC-HCSN ngày 01/8/2016 của Bộ Tài chính; 637/BC-BGDĐT ngày 01/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 3108/BTTTT-KHCN ngày 31/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông; 7564/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 16/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 7062/BNN-KHCN ngày 22/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Đồng thời ngày 9/11/2016, tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ Xây dựng đã tổ chức hội thảo để lấy ý kiến cho dự thảo Điều chỉnh Chiến lược 2009.

Ngày , Bộ Xây dựng đã có công văn số .../BXD-HTKT (kèm theo Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050) gửi tới các Bộ/ngành để lấy ý kiến góp ý. Bộ Xây dựng đã chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện Dự thảo Tờ trình Điều chỉnh Chiến lược và Dự thảo Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Chiến lược trình Thủ tướng Chính phủ với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC

Sau 6 năm thực hiện Chiến lược năm 2009, lĩnh vực quản lý chất thải rắn đã đạt được những thành quả nhất định, hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn

được mở rộng; nhiều cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành góp phần tăng hiệu quả quản lý chất thải rắn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, do tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và thế giới có nhiều thay đổi, sau sự phát triển nhanh về kinh tế 2007-2010 đã có những dấu hiệu chững lạilàm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các chỉ tiêu về môi trường trong đó có lĩnh vực quản lý chất thải rắn. Đồng thời giai đoạn 2011-2015 nhiều văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực môi trường liên quan đến quản lý chất thải rắn đã thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế như: Luật Xây dựng năm 2014; Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 thay thế cho Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 thay thế cho Pháp lệnh phí và lệ phí. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Các văn bản này là công cụ quản lý thống nhất có tính pháp lý cao nhằm cải cách, thúc đẩy lĩnh vực quản lý chất thải và bảo vệ môi trườngcủa Việt Namphát triển bền vững.Nét đổi mới cănbản của các văn bản này gồm:Phân định lại các nhóm chất thải theo nguồn gốc phát thải và đặc tính chất thải để quản lý thống nhất;chuyển phí vệ sinh, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sang giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; cụ thể hóa chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn,... nhằm thu hút các nguồn lực tham gia đầu tư, xây dựng trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn, tạo hành lang pháp lý bình đẳng cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế xã hội nói chung, hạ tầng kỹ thuật và lĩnh vực quản lý chất thải rắn nói riêng.

Trước thực trạng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới, Chính phủ giao Bộ Xây dựng nhiệm vụ rà soát điều chỉnh Chiến lược 2009 nhằm mục đích đề xuất điều chỉnh lại một số chỉ tiêu cũng như các nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược2009 cho phù hợp với tình hình thực tế theo các giai đoạn phát triển kinh tế xã hội đặc biệt có tính đến việc ứng phó với biến đổi khí hậu theo các kịch bản cập nhật đã được phê duyệt.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRONG THỜI GIAN QUA

1.Tình hình thực hiện các chỉ tiêu cơ bản của Chiến lược:

- *Vềquản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị:* Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị tăng từ 80% năm 2010 lên 84,5-85% năm 2015. Dịch vụ thu gom đã được mở rộng tới các đô thị loại V và nhiều điểm dân cư nông thôn. Bước đầu thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Cà Mau, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế...).

Tỷ lệ thu gom, xử lý tại nhiều địa phương còn có sự chênh lệch do các yếu tố khách quan lẫn chủ quan như điều kiện địa hình, kinh tế - xã hội,...Nhiều địa phương có tỷ lệ thu gom khá cao, đạt trên 90% như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Thừa Thiên Huế,...nhưng cũng có nhiều địa phương đạt tỷ lệ thấp như Đồng Tháp (54%), Hòa Bình (60%),...

Hệ thống cơ sở tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ đã hình thành nhưng phát triển còn nhiều hạn chế. Hiện mới chỉ có 35 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị tập trung được đầu tư xây dựng với tổng công suất xử lý theo thiết kế khoảng 7.500 tấn/ngày (chiếm 20% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom). Các công nghệ xử lý chủ yếu là sản xuất phân compost (21 cơ sở), đốt (04 cơ sở) và kết hợp sản xuất compost và đốt (10 cơ sở). Bên cạnh đó, công nghệ sản xuất phân compost còn gặp khó khăn về chất lượng phân hữu cơ do chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn, khó tiêu thụ được sản phẩm. Các dự án đốt chất thải rắn vẫn chưa tận dụng nhiệt để thu hồi năng lượng theo như mục tiêu đề ra.

- *Về quản lý chất thải rắn xây dựng:*mục tiêu đến năm 2015 là 50% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý, trong đó 30% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế. Theo tổng hợp báo cáo của các địa phươngvà qua khảo sát của Bộ Xây dựng (Dự án tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn – Jica), việc quản lý chất thải rắn xây dựng chưa được quan tâm, nhiều nơi chủ nguồn thải còn đổ chất thải rắn xây dựng ra đường giao thông, các khu vực đất trống, kênh rạch thoát nước... gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan, làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước. Chỉ tiêu này chưa đạt mục tiêu đề ra.

- *Vềquản lý bùn bể phốt:*Mục tiêu đến 2015 là 30% bùn bể phốt của các đô thị từ loại II trở lên và 10% của các đô thị còn lại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. Hiện nay, chưa có thống kê chính thức khối lượng, loại bùn thải khi được hút bể phốt và cũng chưa ban hành định mức kỹ thuật cho công tác xử lý bùn thải... Một số địa phương, bùn thải được hút, nạo vét và đưa về chôn lấp cùng với khu xử lý chất thải rắn. Tại Hải Phòng, bùn thải được tách loại, ủ và sàng lọc để sản xuất thành phân compost.

- *Về giảm việc sử dụng túi nilon tại các siêu thị và trung tâm thương mại:* Mục tiêu đến năm 2015 giảm 40% so với năm 2010. Ngày 11/4/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 582/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020. Theo báo cáo của các địa phương, hầu như chưa có thống kê thực hiện chỉ tiêu này.

- *Về thực hiện phân loại chất thải rắn tại hộ gia đình:* Mục tiêu đến năm 2015 là 50% các đô thị có công trình tái chế chất thải rắn. Tuy nhiên, việc thực hiện phân loại chất thải rắn tại hộ gia đình mới chỉ thí điểm thực hiện tại một số địa phương trong phạm vi hẹp (Hà Nội - Dự án 3R, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Hà Nam, Hà Tĩnh...), và hầu hết đều chưa thành công do thiếu phương tiện, trang thiết bị, chưa có các cơ sở xử lý chất thải rắn phù hợp sau khi thực hiện phân loại.

Các công trình tái chế chất thải rắn cũng chưa được quan tâm đầu tư. Các cơ sở xử lý chất thải rắn thành phân compost hầu hết đều gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm do chất lượng phân chưa cao. Chỉ có một vài cơ sở bước đầu thực hiện tốt là Cẩm Xuyên – Hà Tĩnh, Nam Thành – Ninh Thuận, Nam Bình Dương – Bình Dương. Một vài cơ sở cũng đã đầu tư dây chuyền công nghệ chuyển hóa ni lông, cao su từ chất thải thành dầu như tại Cà Mau, Đà Nẵng,... nhưng hoạt động không hiệu quả. Do vậy, chỉ tiêu này cần được xem xét, điều chỉnh cũng như cách thức thực hiện cho phù hợp.

- *Về quản lý chất thải rắn công nghiệp:* Mục tiêu đến năm 2015 có 80% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 70% được thu hồi để tái sử dụng và tái chế. Theo báo cáo của các địa phương, đặc biệt là các địa phương sớm phát triển các khu công nghiệp như Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai (tỷ lệ thu gom xử lý đạt 100%, các nhóm chất thải có thể tái chế như giấy, gỗ, nhựa, kim loại,... đã thực hiện tái chế khá cao, đạt 93%), Hưng Yên, Bắc Ninh,...thì việc quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được quản lý đạt chỉ tiêu đề ra. Hầu hết các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn để thực hiện việc xử lý chất thải sản xuất của mình. Tuy nhiên, công tác báo cáo, xây dựng cơ sở dữ liệu và kiểm tra, giám sát công tác này hiện vẫn chưa được thực hiện, do vậy khó khăn trong việc xác định mức độ thực hiện của các chỉ tiêu này.

- *Về quản lý chất thải rắn nguy hại:* Mục tiêu đến năm 2015 có 60% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp được xử lý đảm bảo môi trường.

Việc thực hiện quản lý CTNH tại nhiều địa phương đã được thực hiện khá tốt, đặc biệt tại các tỉnh có nhiều KCN như Bình Dương (cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải cho 2.997 cơ sở sản xuất, kinh doanh với tổng lượng phát thải đăng ký khoảng 32 tấn/ngày), Đồng Nai (tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 95,7%), Hà Nội,... Các chủ nguồn thải đã thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường) cũng như các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý. Tính đến năm 2015, Bộ Tài nguyên Môi trường đã cấp Giấy phép xử lý CTNH cho 85 đơn vị (phạm vi hoạt động cấp vùng liên tỉnh). Tuy nhiên, việc quản lý, giám sát, thanh tra kiểm tra quá trình hoạt động quản lý CTNH chưa được thực hiên tốt. Thời gian vừa qua, có rất nhiều vấn đề liên quan đến quản lý chất thải rắn từ các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế,đặc biệt là chất thải nguy hại như chôn lấp, đổ thải không đúng nơi quy định, không đúng quy trình thực hiện đăng ký chủ nguồn thải, chủ xử lý,....Ví dụ như tại Đồng Nai, trong tổng số 291,1 tấn CTNH phát sinh được thu gom thì chỉ có 89,4 tấn là do đơn vị thu gom, xử lý trên địa bàn thực hiện, còn lại 201,7 tấn do các đơn vị ngoài tỉnh thực hiện (Giấy phép do Tổng cục Môi trường cấp) nên việc giám sát dòng chất thải còn nhiều hạn chế.

- *Về quản lý chất thải y tế:* Mục tiêu đến năm 2015 là 85% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và 70% lượng chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. Công tác quản lý chất thải y tế đã được ngành y tế và các địa phương tổ chức thực hiện khá đồng bộ, hiệu quả. Theo tổng hợp báo cáo tại các địa phương, hầu hết các cơ sở y tế, bệnh viện đã thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn, xử lý chất thải y tế phù hợp. Các chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý bằng các lò đốt tại các bệnh viện lớn hoặc tại các cơ sở xử lý tập trung trên địa bàn. Về cơ bản, chỉ tiêu này đạt được mục tiêu đề ra.

- *Về chất thải rắn nông thôn, làng nghề:* Mục tiêu đến năm 2015 là 40% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và 50% tại các làng nghề được thu gom, xử lý đảm bảo môi trường.

Trong giai đoạn 2010-2015, đã có 500 bãi rác thải khu vực nông thôn được nâng cấp, cải tạo, 40% số xã lập tổ đội thu gom rác thải (tăng 10% so với năm 2010). Tuy nhiên, số xã đạt tiêu chí môi trường rất thấp, chỉ đạt 14,9%, trong đó có quy định về bãi tập kết rác, thời gian thu gom, lưu giữ đáp ứng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- *Về xử lý các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-Tg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ:*theo báo cáo của các địa phương, hầu như các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được tập trung xử lý dứt điểm đáp ứng yêu cầu mục tiêu đặt ra.

Tóm lại, nhiều chỉ tiêu của Chiến lược năm 2009 liên quan đến quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2015 về cơ bản là chưa đạt được mục tiêu đề ra.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

a) Phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn: Công tác này đã được thực hiện nhiều địa phương nhưng đang hoạt động theo tính chất phong trào, chưa liên tục và đồng bộ.

b)Phân loại chất thải rắn tại nguồn:

Công tác phân loại chất thải tại nguồn đã được một số địa phương quan tâm triển khai như Hà Tĩnh, Đồng Nai (thí điểm thực hiện tại 11/11 huyện, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện là 20.132 hộ, số hộ thực hiện đúng quy trình chiếm 58,8%, tiến tới nhân rộng đối tượng thực hiện phân loại tại các trường học, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung, các khu cum công nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp cũng như đầu tư các điểm trung chuyển, nâng cao năng lực thu gom và đồng bộ việc xử lý phù hợp với mục đích phân loại tại nguồn). Tuy nhiên, việc thực hiện phân loại tại hầu hết các địa phương đều chưa được thực hiện do thiếu nguồn lực thực hiện đồng bộ (từ thu gom, vận chuyển và xử lý theo từng loại chất thải đã phân loại).

c) Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách về quản lý chất thải rắn:

- Về cơ bản, nhiều cơ chế, chính sách, quy định và hướng dẫn quản lý tổng hợp chất thải rắn đã được hoàn thiện và ban hành như Luật Bảo vệ Môi trường

năm 2014, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,... Cùng với đó là các chính sách thu hút nguồn lực thực hiện, các quy định về quản lý các loại chất thải đặc thù được ban hành hoặc sắp sửa ban hành như: Đề án huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014), Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020 (Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013), Quy định về thu hồi sản phẩm thải bỏ (Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015), quy định về quản lý chất thải xây dựng, phân bùn bể phốt, hướng dẫn hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải,...

Tuy nhiên, việc ban hành các cơ chế cụ thể về ưu đãi cho các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải, tận thu năng lượng từ quá trình xử lý chất thải rắn còn thiếu và chưa đồng bộ. Cụ thể như Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg ngày 05/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam tuy ban hành các quy định hỗ trợ về giá mua điện nhưng lại ràng buộc các dự án xử lý chất thải theo quy hoạch ngành điện, dẫn tới việc triển khai của nhiều dự án gặp khó khăn do chờ quy hoạch này của ngành điện. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phương tiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn chưa được ban hành; nhiều tiêu chuẩn về nguyên liệu, sản phẩm cho tái chế chất thải cũng chưa được xây dựng, ban hành dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Các chế độ báo cáo, xây dựng cơ sở dữ liệu chưa được thực hiện đồng bộ,

d)Công tác quy hoạch quản lý chất thải rắn

Công tác quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được quan tâm thực hiện khá đầy đủ, từ quy hoạch cấp vùng liên tỉnh (các vùng Kinh tế trọng điểm, các lưu vực sông) đến quy hoạch cấp địa phương, quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Đã có 55/63 tỉnh/Thành phố phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn; 98,2% số xã trên cả nước đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới, trong đó có quy hoạch các điểm tập kết, xử lý chất thải rắn.

Tuy nhiên, chất lượng công tác quy hoạch chưa cao, chưa có kế hoạch thực hiện quy hoạch đề ra. Công tác tuyên truyền, vận động và lấy ý kiến cộng đồng còn chưa thực hiện tốt tại nhiều nơi. Việc xác định xử lý riêng rẽ các loại chất thải khác nhau chưa được làm rõ trong các đồ án quy hoạch dẫn đến công tác đầu tư, quản lý còn gặp khó khăn.

đ)Nguồn lực thực hiện Chiến lược

Trong những năm qua, ngoài ngân sách chi sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm, quỹ bảo vệ môi trường, các địa phương cũng đã chủ động bố trí, có cơ chế chính sách phù hợp nhằm huy động các nguồn lực thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, góp phần bảo vệ môi trường,

cảnh quan đô thị. Tại Hà Nội, đã huy động được các doanh nghiệp tư nhân đầu tư cho thu gom vận chuyển chất thải rắn cho các quận mới thành lập, các huyện ngoại thành và đầu tư 04 cơ sở xử lý chất thải rắn (Sơn Tây, Đan Phượng, Thanh Trì, Đông Anh). Nhiều dự án ODA đã được triển khai thực hiện đầu tư xây dựng trong thời gian qua (Tam Điệp – Ninh Bình, Lào Cai, Thanh Hà – Hải Dương, Nam Bình Dương – Bình Dương,...) góp phần nâng cao năng lực xử lý chất thải rắn và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư thực hiện.

e) Thúc đẩy nghiên cứu khoa học để phục vụ hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn:

Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đã được nghiên cứu phát triển, ứng dụng như: công nghệ sản xuất thành viên nhiên liệu MBT-CD.08 của Công ty TNHH Thủy Lực Máy (vẫn đang tiếp tục được nghiên cứu, cải tiến công nghệ theo hướng đốt tận thu năng lượng, phát điện), công nghệ sản xuất phân Compost của công ty Tâm Sinh Nghĩa, Công ty CPMT Nam Thành – Ninh Thuận, lò đốt không sử dụng nhiên liệu quy mô nhỏ (BD-Anpha, LOSIHO, T-TECH,...),... Tuy nhiên, cho đến nay chưa đưa ra được công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện của Việt Nam (rác không được phân loại tại nguồn).

g) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức:

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng đã được nhiều địa phương tổ chức thực hiện gắn với các hoạt động bảo vệ môi trường, các ngày lễ, kỷ niệm (Ngày môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch giờ trái đất,...) hay phát triển thành các chương trình của địa phương như Hà Tĩnh (xây dựng mô hình "Tiết kiệm sinh thái", "xây dựng trường học thân thiện với môi trường",... tổ chức các chương trình tuyên truyền trên báo đài địa phương,...), Thành phố Hồ Chí Minh (Tổ chức Ngày hội Tái chế chất thải hàng năm nhằm góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về 3T (Tiết giảm, Tái sử dụng, Tái chế) và phân loại chất thải rắn; tổ chức hướng dẫn phân loại chất thải rắn tại nguồn tại các hệ thống siêu thị Co.op Mart, Big C, CitiMart, Metro, Lottemart,...).

Tuy nhiên, việc xây dựng chương trình, chiến dịch tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn chưa được thường xuyên, liên tục và đồng bộ trên cả nước.

III. CÁC KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN

1. Về nguồn vốn:

Nguồn vốn đầu tư cho thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt hầu hết từ nguồn ngân sách nhà nước và vốn ODA nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư thực tế, do các nguyên nhân cơ bản như sau:

- Do tình hình kinh tế khó khăn trong những năm qua nên nguồn ngân sách không đáp ứng đủ nhu cầu vốn để đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị. Đối với khu vực nông thôn, việc bố trí vốn cho công tác xử lý chất thải rắn còn ít được quan tâm.

- Huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách còn khó khăn, các nhà đầu tư chưa thực sự quan tâm đến lĩnh vực này do lợi nhuận thấp, rủi ro cao.

- Nguồn thu chính là phí vệ sinh và ngân sách nhà nước bù đắp nên việc kêu gọi xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt còn nhiều hạn chế, đặc biệt là khu vực nông thôn, nơi mà nguồn kinh phí cho công tác này còn thiếu.

2. Về cơ chế, chính sách:

- Việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm. Chất lượng công tác quy hoạch chưa cao (do nhiều yếu tố như chỉ tiêu thống kê không đầy đủ, tổ chức lấy ý kiến người dân chưa tốt,...) nên nhiều nơi việc thực hiện còn khó khăn.

- Đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Mặc dù đã có quy định trong việc xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường trong đó có việc xử lý chất thải rắn, tuy nhiên quá trình để triển khai vay vốn thực hiện các dự án xử lý chất thải rắn còn nhiều thủ tục và khó khăn, số dự án xử lý chất thải rắn được vay từ các nguồn vốn ưu đãi là rất ít.

- Hiện nay, tại một số địa phương đặc biệt tại các đô thị lớn, đã có dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân vào việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị. Tuy nhiên, việc các dự án này được chấp nhận đầu tư vẫn còn nhiều khó khăn, một trong những nguyên nhân là do các Công ty Môi trường đô thị vẫn được nhà nước trợ giá trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Nhiệm vụ quản lý chất thải rắn tại các địa phương chưa được phân giao một cách thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan chuyên môn gồm Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.Vềxây dựng cơ sở dữ liệu:

- Công tác cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình phát sinh, tính chất, thành phần, loại chất thải rắn phải xử lý chưa được quan tâm và gặp rất nhiều khó khăn do vậy dẫn đến khó khăn trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch và dự án đầu tư xử lý chất thải rắn.

- Công tác báo cáo, tổng hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn chưa được thực hiện đồng bộ, thống nhất, từ trung ương đến địa phương. Nhiều chỉ tiêu thống kê về các loại chất thải, chủ nguồn thải cũng như đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn chưa được thực hiện.

- Năng lực của các cán bộ thực hiện công tác báo cáo, thống kê tại cấp cơ sở còn yếu, nhiều số liệu báo cáo còn chưa chính xác, phù hợp với thực tế.

4. Về công nghệ xử lý chất thải rắn:

- Hầu hết công nghệ xử lý chất thải rắn nhập khẩu không phù hợp với thực tế chất thải rắn tại Việt Nam chưa được phân loại tại nguồn, nhiệt trị của chất thải rắn sinh hoạt thấp, độ ẩm của không khí cao,...

- Thiết bị, công nghệ xử lý chất thải rắn chế tạo trong nước chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện, nên chưa thể phổ biến và nhân rộng.

- Hoạt động tái chế chất thải rắn còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chưa phát triển thành quy mô, thiếu sự quản lý và kiểm soát của các cơ quan hữu quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường ở địa phương. Phần lớn các cơ sở tái chế có quy mô nhỏ, mức độ đầu tư công nghệ không cao, đa số công nghệ đều lạc hậu, máy móc thiết bị cũ, gây ô nhiễm môi trường thứ cấp.

- Nhà nước chưa có định hướng về sử dụng công nghệ, chưa có tiêu chí lựa chọn thiết bị, công nghệ.

5. Về mô hình quản lý:

- Mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, hiệu quả còn thiếu và chưa được minh bạch. Hầu hết công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị do các Công ty Môi trường đô thị (Công ty TNHH Một thành viên) thực hiện nên chưa có sự cạnh tranh, rõ ràng trong vấn đề này. Cơ chế báo cáo, giám sát thực hiện còn thiếu và yếu. Mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn cũng chưa được quan tâm đầu tư từ các cấp chính quyền phía trên, chủ yếu do các chính quyền cấp xã, cộng đồng tự tổ chức thực hiện nên manh mún, thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất và con người thực hiện.

- Công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là chất thải nguy hại (CTNH) chưa được giám sát, kiểm soát chặt chẽ. Việc cấp phép cho các chủ thu gom vận chuyển CTNH vùng liên tỉnh còn nhiều bất cập với công tác quy hoạch, công tác kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện, quản lý dòng chất thải cũng như chế độ báo cáo, thống kê.

6. Về thông tin truyền thông và giáo dục cộng đồng:

- Sự tham gia của cộng đồng và nhận thức của xã hội về quản lý chất thải rắn chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường tới cộng đồng dân cư còn hạn chế; việc thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa nghiêm, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

IV. NHỮNG NỘI DUNG NGHIÊN CỨU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

Bên cạnh những kết quả đạt được, Chiến lược 2009 còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, cần phải được sửa đổi bổ sung phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Cụ thể như sau:

1. Quan điểm

Cơ bản giữ nguyên quan điểm của Chiến lược 2009 có điều chỉnh bổ sung một số nội dung cho phù hợp như sau:

- Bổ sung yếu tố *thích ứng với biến đổi khí hậu* nhằm có những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phù hợp, hiệu quả và đồng bộ.

- Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn phù hợp với các công nghệ xử lý tương ứng. Xử lý chất thải rắn phải áp dụng các công nghệ tiên tiến, tận thu năng lượng, tiết kiệm đất đai và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Đầu tư quản lý chất thải rắn phải đồng bộ bao gồm cả xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và năng lực thu gom, vận chuyển đáp ứng việc thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đảm bảo cơ sở xử lý vận hành phù hợp công nghệ, công suất thiết kế.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân trong việc giảm thiểu, phân loại chất thải rắn và có trách nhiệm trả tiền cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.

2. Mục tiêu đến năm 2020 và 2025

Điều chỉnh mục tiêu theonhóm chất thải phù hợp với thực trạng quản lý hiện nay và theo các văn bản quy định hiện hành. Đồng thời xác định lại các chỉ tiêu, mục tiêu và bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và dự báo về phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của đất nước. Cụ thể chất thải rắn được chia thành 03 nhóm như sau:

a) Chất thải rắn nguy hại:

Bổ sung mục tiêu về quản lý và kiểm soát quy trình quản lý, ưu tiênxử lý chất thải rắn nguy hại bằng các công nghệ đốt, chuyển hóa, thu hồi năng lượng để phát điện;

b) Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bổ sung mục tiêu thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn phù hợp với công nghệ xử lý. Ưu tiên tập trung tại các khu vực được giới hạn trong phạm vi hẹp như khu đô thị mới, trường học, cơ quan, cơ sở sản xuất dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thông tập trung.

+ Điều chỉnh chỉ tiêu thu gom, xử lý cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương.

+ Bổ sung các mục tiêu về thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, khuyến khích hoạt động theo cơ chế thị trường có sự giám sát của Nhà nước.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp:

+ Bổ sung mục tiêu quản lý và kiểm tra quá trình thực hiện từ phát thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Điều chỉnh chỉ tiêu thu gom, xử lý cho phù hợp với điều kiện phát triển của các địa phương. Ưu tiên định hướng công nghệ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hướng tái chế, tận thu năng lượng và phát điện.

c) Các loại chất thải rắn khác (y tế, xây dựng, nông nghiệp):

Điều chỉnh chỉ tiêu đối với các loại chất thải rắn khác phù hợp với quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Nhiệm vụ:

Tập trung các nhiệm vụ cho phù hợp với các văn bản quy định pháp luật hiện hành, điều kiện phát triển kinh tế xã hội, sản xuất và tiêu dùng của nước ta hiện nay. Cụ thể:

- Thực hiện việc phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

- Thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn:

+ Vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc phân loại chất thải rắn tại nguồn.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng, thu gom và xử lý riêng đối với từng loại chất thải rắn sau khi đã phân loại.

- Tăng cường năng lực thu gom, vận chuyển chất thải rắn; mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn.

- Phát triển ngành công nghiệp tái chế,khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn.

- Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, tận thu năng lượng, phát điện, an toàn và phù hợp với điều kiện từng địa phương.

2. Giải pháp thực hiện:

Điều chỉnh, bổ sung các nhóm giải pháp thực hiện cho phù hợp với quan điểm và mục tiêu bổ sung về thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển thu gom, vận chuyển đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và bổ sung việc phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản lý chất thải rắn một cách hiệu quả, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, góp phần đạt được những mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Ngoài ra, ưu tiên tập trung vào việc phát triển công nghệ chuyển hóa chất thải có thu hồi năng lượng, phát điện. Cụ thể:

a) Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý chất thải rắn.

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 07/4/2007 về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quản lý chất thải rắn;

- Xây dựng và ban hành phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

b) Quy hoạch và kế hoạch thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn:

- Rà soát các quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm, vùng lưu vực sông và của địa phương phù hợp với mục tiêu của Điều chỉnh Chiến lược, các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển khác và ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng các kế hoạch để tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó tập trung vào: lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý mang tính chất vùng, liên vùng, xác định nhu cầu đầu tư, các dự án ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cơ chế, chính sách cho quản lý chất thải rắn:

- Ưu tiên đầu tư cho các dự án mang tính cấp bách nhằm giải quyết ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; các dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn cấp vùng;

- Ban hành các chính sách khuyến khích việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quan trắc môi trường:

- Xây dựng hệ thống, chế độ báo cáo về công tác quản lý chất thải rắn thống nhất trên cả nước;

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cấp trung ương và địa phương (xây dựng phần mềm và đào tạo, tập huấn về công tác báo cáo, thực hiện);

- Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng hệ thống các trạm quan trắc môi trường liên quan đến chất thải rắn trên toàn quốc.

đ) Phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ tham gia quản lý môi trường, chất thải rắn tại các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương.

- Củng cố, mở rộng các trường đào tạo nghề, trung tâm dạy nghề... nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, duy tu và bảo dưỡng các cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm phát triển đào tạo nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý từ Trung ương đến địa phương, các đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

e) Nghiên cứu khoa học, hiện đại hoá công nghệ và sản xuất vật tư, trang bị, thiết bị:

- Tăng cường nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến về tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn, đặc biệt ưu tiên phát triển công nghệ đốt, chuyển hóa chất thải có thu hồi năng lượng và phát điện;

- Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cấp

nhà nước, cấp bộ về quản lý tổng hợp chất thải rắn và đặc biệt chú trọng tăng cường tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế sản xuất và đời sống;

- Nghiên cứu và ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong việc lựa chọn công nghệ, thiết kế, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn.

g) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sởsản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu,phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, không đổ rác bừa bãi...

- Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học;

- Đưa nội dung quản lý chất thải rắn bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo đúng các quy định...vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng đào tạo cán bộ tại các cơ quan, công sở và doanh nghiệp.

h) Hợp tác quốc tế:

Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về đạo tạo nâng cao năng lực, học tập kinh nghiệm,trợ giúp kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

V. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 SAU KHI ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, những khó khăn và nội dung nghiên cứu điều chỉnh bổ sung như trên, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Chiến lược (*Dự thảo kèm theo*).

.....

VI.TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Xây dựng kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Lưu: VT, HTKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thị Mỹ Linh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc
Số: /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

Dự thảo
01/12/2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quản lý tổng hợp chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước đóngvai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tổng hợp chất thải rắn.

2. Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thực hiện liên ngành, liên vùng, đảm bảo hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, an toàn về xã hội và môi trường, gắn với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch phát triển khác, góp phần kiểm soát ô nhiễm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới phát triển bền vững.

3. Quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo phương thức tổng hợp, nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu; tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp.

4. Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn phù hợp với các công nghệxử lýtương ứng. Xử lý chất thải rắn phải áp dụng các công nghệ tiên tiến, tận thu năng lượng, tiết kiệm đất đai và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

5. Đầu tư hệ thống quản lý chất thải rắn phải đồng bộ bao gồm cả xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và năng lực thu gom, vận chuyển đáp ứng việc thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đảm bảo cơ sở xử lý vận hành phù hợp công nghệ, công suất thiết kế.

6. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân trong việc giảm thiểu, phân loại chất thải rắn và có trách nhiệm trả tiền cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2020

a) Chất thải rắn nguy hại:

-Chất thải rắn nguy hại được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng. Ưu tiên xử lý chất thải rắn nguy hại bằng các công nghệ đốt, chuyển hóa thu hồi năng lượng để phát điện;

- 80% - 90% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường.

b) Chất thải rắn thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện quản lý của địa phương,đặc biệt tại các khu đô thị mới, cơ quan, trường học, cơ sở sản xuất dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung;

+Xây dựng các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung phù hợp với quy hoạch và bảo đảm quản lý vận hành ổn định, hiệu quả; phấn đấu giảm 15% - 20% tỷ lệ chất thải rắn phải chôn lấp;

+Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 85% - 90% tạikhu vực đô thị và 65-75% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dân cư nông thôn tập trung;

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước;

+ Tiếp tục thực hiện việc xử lý các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Đối vớichất thải rắn công nghiệp:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường được quản lý và kiểm soát từ nguồn thải đến phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.;

+ 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom và xử lý bằng công nghệ phù hợp, đảm bảo quy chuẩn môi trường. Khuyến khích áp dụng các công nghệ tái chế, tận thu năng lượng.

c) Các loại chất thải rắn khác:

- 30% -50% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom tái chế, tái xử dụng và xử lýphù hợp;

- 100% lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý phù hợp theo quy định, đảm bảo quy chuẩn môi trường.

- 30% -50% lượng chất thải nông nghiệp được xử lý bằng các công nghệ phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên áp dụng các công nghệ tái chế, sản xuất biogas, tận thu năng lượng.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Chất thải rắn nguy hại:

-Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại tập trung tại các vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước;

- 90% -100% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường.

b) Chất thải rắn thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thực hiện triển khai rộng rãi việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các khu vực đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung;

+ Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tận thu năng lượng từ quá trình xử lý, phấn đấu giảm 25% - 30% tỷ lệ chất thải rắn phải chôn lấp;

+ Các bãi tập kết, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh được đóng cửa, xử lý và phục hồi môi trường theo quy định;

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 90%-95% tạikhu vực đô thị và 75% - 80% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dân cư nông thôn tập trung;

-Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+90% -95 % tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom và xử lý bằng công nghệ phù hợp, đảm bảo quy chuẩn môi trường.

c) Các loại chất thải rắn khác:

- Trên 50% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom, tái sử dụng, tái chế với công nghệ xử lý phù hợp;

- 50% – 70% lượng chất thải nông nghiệp được xử lý bằng công nghệ phù hợp, tận thu năng lượng, sản xuất phân bón cho nông nghiệp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Phát triển các cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải nông nghiệp sử dụng các công nghệ sản xuất thành compost, biogas, tận thu năng lượng.

4. Tầm nhìn tới năm 2050

Phấn đấu tới năm 2050, tất cả các loại chất thải rắn phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ:

- Thực hiện việc phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trongsinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

- Thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn:

+ Vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc phân loại chất thải rắn tại nguồn.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng, thu gom và xử lý riêng đối với từng loại chất thải rắn sau khi đã phân loại.

- Tăng cường năng lực thu gom, vận chuyển chất thải rắn;mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn.

- Phát triển ngành công nghiệp tái chế,khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn.

- Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, tận thu năng lượng, an toàn và phù hợp với điều kiện từng địa phương.

2. Giải pháp thực hiện:

a) Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý chất thải rắn:

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 07/4/2007 về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP

ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quản lý chất thải rắn;

- Xây dựng và ban hành phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

b) Quy hoạch và kế hoạch thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn:

- Rà soát các quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm, vùng lưu vực sông và của các địa phương phù hợp với mục tiêu của Điều chỉnh Chiến lược, các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển khác và ứng phóvới biến đổi khíhậu;

- Xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó tập trung vào: lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý mang tính chất vùng, liên vùng, xác định nhu cầu đầu tư, các dự án ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việctổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cơ chế, chính sách cho quản lý chất thải rắn:

- Ưu tiên đầu tư cho các dự án mang tính cấp bách nhằm giải quyết ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; các dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn cấp vùng;

- Ban hành các chính sách khuyến khích việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quan trắc môi trường:

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ báo cáo về công tác quản lý chất thải rắn thống nhất trên cả nước;

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cấp trung ương và địa phương (xây dựng phần mềm và đào tạo, tập huấn về công tác báo cáo, thực hiện);

- Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng hệ thống các trạm quan trắc môi trường liên quan đến chất thải rắn trên toàn quốc.

đ) Phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ tham gia quản lý môi trường, chất thải rắn tại các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương.

- Củng cố, mở rộng các trường đào tạo nghề, trung tâm dạy nghề... nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, duy tu và bảo dưỡng các cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Tăng cường nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý từ Trung ương đến địa phương, các đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

e) Nghiên cứu khoa học,hiện đại hoá công nghệ và sản xuất vật tư, trang bị, thiết bị:

- Tăng cường nghiên cứu,áp dụng công nghệ tiên tiến về tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn,đặc biệt ưu tiên phát triển công nghệ chuyển hóa chất thải thành năng lượng, phát điện;

- Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ về quản lý tổng hợp chất thải rắn và đặc biệt chú trọng tăng cường tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế sản xuất và đời sống;

- Nghiên cứu và ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong việc lựa chọn công nghệ, thiết kế, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Nghiên cứu cải tiến và ứng dụng các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm mỹ quan và hiệu quả sử dụng.

g) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sởsản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu,phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, không đổ rác bừa bãi...

- Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học;

- Đưa nội dung quản lý chất thải rắn bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo đúng các quy định...vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng đào tạo cán bộ tại các cơ quan, công sở và doanh nghiệp.

h) Hợp tác quốc tế:

Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về đạo tạo nâng cao năng lực, học tập kinh nghiệm,trợ giúp kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Chiến lược

1. Bộ Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm các mục tiêu và các giải pháp của Điều chỉnh Chiến lược.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch quản lý chất thải rắn ở địa phương phù hợp với mục tiêu của Điều chỉnh Chiến lược;

- Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn;

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các định mức kinh tế kỹ thuật, suất vốn đầu tư và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

- Nghiên cứu, sửa đổi, thay thế Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Xây dựng, ban hành các chính sách, cơ chế, công cụ về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nguy hại và các chất thải rắn khác theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên toàn quốc;

- Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường về chất thải rắn;

- Theo dõi, giám sát tình hình ô nhiễm môi trường do chất thải rắn trên toàn quốc.

3. Các Bộ, ngành liên quan:

Các Bộ, ngành căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, lập kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai chương trình này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

-Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Điều chỉnh Chiến lược sau khi được phê duyệt;

- Tổ chức chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn; Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt;

- Ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn tại địa phương; Xây dựng và ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

- Chỉ đạo thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn;

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền;

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân về quản lý tổng hợp chất thải rắn và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

Các Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ: CN, KGVX, TH, KTTH, Công báo
- Lưu: VT, CN (5b). XH

Bảng so sánh nội dung sửa đổi, bổ sung điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BXD ngày tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
I. Tên gọi	**I. Tên gọi**
Phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	Phê duyệt *Điều chỉnh* Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050
II. Nội dung	**II. Nội dung**
1. Quan điểm - Quản lý tổng hợp chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tổng hợp chất thải rắn. - Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thực hiện liên vùng, liên ngành, đảm bảo sự tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, an toàn về xã hội và môi trường, gắn với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch phát triển khác. - Quản lý tổng hợp chất thải rắn là một trong những ưu tiên của công tác bảo vệ môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm, hướng tới phát triển bền vững đất nước. - Quản lý tổng hợp chất thải rắn phải đáp ứng theo nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền", theo đó các tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm đóng góp kinh phí, khắc phục, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.	**I. QUAN ĐIỂM** 1. Quản lý tổng hợp chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước đóngvai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tổng hợp chất thải rắn. 2. Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thực hiện liên ngành, liên vùng, đảm bảo hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, an toàn về xã hội và môi trường, gắn với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch phát triển khác, góp phần kiểm soát ô nhiễm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới phát triển bền vững. 3. Quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo phương thức tổng hợp, nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu; tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp. 4. Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn phù hợp với các công nghệxử lýtương ứng. Xử lý chất thải rắn phải áp dụng các công nghệ tiên tiến, tận thu năng lượng, tiết kiệm đất đai và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
- Quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo phương thức tổng hợp, nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp.	5. Đầu tư hệ thống quản lý chất thải rắn phải đồng bộ bao gồm cả xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và năng lực thu gom, vận chuyển đáp ứng việc thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đảm bảo cơ sở xử lý vận hành phù hợp công nghệ, công suất thiết kế. 6. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân trong việc giảm thiểu, phân loại chất thải rắn và có trách nhiệm trả tiền cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.
2. Tầm nhìn tới năm 2050 Phấn đấu tới năm 2050, tất cả các loại chất thải rắn phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, hạn chế khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp đến mức thấp nhất.	
3. Mục tiêu a) Mục tiêu tổng quát đến 2025 - Nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn nhằm cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. - Hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn được xây dựng, theo đó chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến và phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và hạn chế gây ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn nguy hại được quản	**II. MỤC TIÊU** 1. Mục tiêu đến năm 2020 a) Chất thải rắn nguy hại: -Chất thải rắn nguy hại được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng. Ưu tiên xử lý chất thải rắn nguy hại bằng các công nghệ đốt, chuyển hóa thu hồi năng lượng để phát điện; - 80% - 90% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được xử lý

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
lý và xử lý theo các phương thức phù hợp. - Nhận thức của cộng đồng về quản lý tổng hợp chất thải rắn được nâng cao, hình thành lối sống thân thiện với môi trường. Các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, tài chính và nguồn nhân lực cho quản lý tổng hợp chất thải rắn được thiết lập. b) Mục tiêu cụ thể - Đến năm 2015: + 85% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 60% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ. + 50% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý, trong đó 30% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế. + 30% bùn bể phốt của các đô thị từ loại II trở lên và 10% của các đô thị còn lại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + Giảm 40% khối lượng túi nilon sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại so với năm 2010. + 50% các đô thị có công trình tái chế chất thải rắn thực hiện phân loại tại hộ gia đình. + 80% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 70% được thu hồi để tái sử dụng và tái chế. + 60% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp được xử lý đảm bảo môi trường. + 85% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và 70% lượng chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + 40% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và 50% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + 100% các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo	đảm bảo quy chuẩn môi trường. b) Chất thải rắn thông thường: - Đối với chất thải rắn sinh hoạt: + Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện quản lý của địa phương,đặc biệt tại các khu đô thị mới, cơ quan, trường học, cơ sở sản xuất dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung; +Xây dựng các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung phù hợp với quy hoạch và bảo đảm quản lý vận hành ổn định, hiệu quả; phấn đấu giảm 15% - 20% tỷ lệ chất thải rắn phải chôn lấp; +Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 85% - 90% tạikhu vực đô thị và 65-75% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dân cư nông thôn tập trung; + Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước; + Tiếp tục thực hiện việc xử lý các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường theo quy định. - Đối vớichất thải rắn công nghiệp: + Chất thải rắn công nghiệp thông thường được quản lý và kiểm soát từ nguồn thải đến phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.; + 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom và xử lý bằng công nghệ phù hợp, đảm bảo quy chuẩn môi trường. Khuyến khích áp dụng các công

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ được xử lý. - Đến năm 2020: + 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ. + 80% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý, trong đó 50% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế. + 50% bùn bể phốt của các đô thị từ loại II trở lên và 30% của các đô thị còn lại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + Giảm 65% khối lượng túi nilon sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại so với năm 2010. + 80% các đô thị có công trình tái chế chất thải rắn thực hiện phân loại tại hộ gia đình. + 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 75% được thu hồi để tái sử dụng và tái chế. + 70% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp được xử lý đảm bảo môi trường. + 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + 70% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và 80% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. - Đến năm 2025: + 100% các đô thị có công trình tái chế chất thải rắn thực hiện phân loại tại hộ gia đình. + 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được	nghệ tái chế, tận thu năng lượng. c) Các loại chất thải rắn khác: - 30% -50% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom tái chế, tái xử dụng và xử lýphù hợp; - 100% lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý phù hợp theo quy định, đảm bảo quy chuẩn môi trường. - 30% -50% lượng chất thải nông nghiệp được xử lý bằng các công nghệ phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên áp dụng các công nghệ tái chế, sản xuất biogas, tận thu năng lượng. 2. Mục tiêu đến năm 2025 a) Chất thải rắn nguy hại: -Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại tập trung tại các vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước; - 90% -100% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường. b) Chất thải rắn thông thường: - Đối với chất thải rắn sinh hoạt: + Thực hiện triển khai rộng rãi việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các khu vực đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung; + Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tận thu năng lượng từ quá trình xử lý, phấn đấu giảm 25% - 30% tỷ lệ chất thải rắn phải chôn lấp; + Các bãi tập kết, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh được đóng cửa, xử lý và phục hồi môi trường theo quy

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ. + 90% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý, trong đó 60% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế. + 100% bùn bể phốt của các đô thị từ loại II trở lên và 50% của các đô thị còn lại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + Giảm 85% khối lượng túi nilon tại các siêu thị và các trung tâm thương mại so với năm 2010. + 100% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. + 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và 100% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.	định; + Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 90%-95% tạikhu vực đô thị và 75% - 80% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dân cư nông thôn tập trung; -Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: +90% -95 % tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom và xử lý bằng công nghệ phù hợp, đảm bảo quy chuẩn môi trường. c) Các loại chất thải rắn khác: - Trên 50% tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom, tái sử dụng, tái chế với công nghệ xử lý phù hợp; - 50% – 70% lượng chất thải nông nghiệp được xử lý bằng công nghệ phù hợp, tận thu năng lượng, sản xuất phân bón cho nông nghiệp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Phát triển các cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải nông nghiệp sử dụng các công nghệ sản xuất thành compost, biogas, tận thu năng lượng. 4. Tầm nhìn tới năm 2050 Phấn đấu tới năm 2050, tất cả các loại chất thải rắn phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.
4. Các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản a) Các nhiệm vụ cơ bản - Phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn: + Thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn theo cơ chế thị trường, thu phí theo khối lượng chất thải rắn phát sinh. + Tăng cường giảm thiểu chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất và	**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** 1. Nhiệm vụ: - Thực hiện việc phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trongsinh hoạt, sản xuất và dịch vụ. - Thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn:

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
dịch vụ. + Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu. - Thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn: + Vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc phân loại chất thải rắn tại nguồn. + Phát triển cơ sở hạ tầng, thu gom và xử lý riêng đối với từng loại chất thải rắn sau khi đã phân loại. - Đẩy mạnh thu gom và vận chuyển chất thải rắn: + Tăng cường năng lực thu gom, vận chuyển chất thải rắn. + Mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn. + Thúc đẩy xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn. - Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải rắn: + Tăng cường tái sử dụng chất thải rắn. + Phát triển thị trường, xây dựng nền kinh tế chất thải. + Phát triển ngành công nghiệp tái chế. + Khuyến khích mua sắm các sản phẩm tái chế. + Xây dựng và áp dụng các chính sách ưu đãi cho các hoạt động tái chế. + Thiết lập các quỹ tái chế. - Xử lý chất thải rắn: + Hoàn thiện các cơ chế chính sách liên quan đến xử lý chất thải rắn. + ?ng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, hạn chế chôn lấp, an toàn và phù hợp với điều kiện từng địa phương. - Phục hồi môi trường các cơ sở xử lý chất thải rắn: + Hướng dẫn thủ tục, kế hoạch phục hồi môi trường. + Huy động nguồn tài chính cho phục hồi môi trường. b) Các giải pháp thực hiện Chiến lược - Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách về quản lý chất thải rắn	+ Vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc phân loại chất thải rắn tại nguồn. + Phát triển cơ sở hạ tầng, thu gom và xử lý riêng đối với từng loại chất thải rắn sau khi đã phân loại. - Tăng cường năng lực thu gom, vận chuyển chất thải rắn;mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn. - Phát triển ngành công nghiệp tái chế,khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn. - Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, tận thu năng lượng, an toàn và phù hợp với điều kiện từng địa phương. 2. Giải pháp thực hiện: a) Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý chất thải rắn: - Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 07/4/2007 về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; - Rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quản lý chất thải rắn; - Xây dựng và ban hành phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. b) Quy hoạch và kế hoạch thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn: - Rà soát các quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm, vùng lưu vực sông và của các địa phương phù hợp với mục tiêu của Điều chỉnh Chiến lược, các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
+ Ban hành các quy định và chính sách khuyến khích việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải, đặc biệt là giảm thiểu việc sử dụng túi ni lông và tái chế chất thải hữu cơ. + Hoàn thiện các quy định, cơ chế về phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn hướng tới năm 2020 đảm bảo thu hồi chi phí thu gom, vận chuyển và năm 2025 có bù đắp một phần cho chi phí xử lý chất thải rắn. + Hướng dẫn thực hiện các chính sách ưu đãi của nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn. + Ban hành quy chế, cơ chế và các hướng dẫn thực hiện thu hồi lại một số loại chất thải và sản phẩm đã hết hạn sử dụng theo quy định của Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường. + Ban hành quy định, cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động tái chế và các hướng dẫn thực hiện. + Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn về phương tiện lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường và nguy hại. + Hoàn thiện quy định, hướng dẫn, kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường và nguy hại. + Xây dựng tiêu chuẩn thiết bị xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chí môi trường và tuổi thọ thiết bị. + Xây dựng các quy định về quản lý đối với từng loại hình sản xuất tái chế từ công đoạn thu gom, lưu chứa đến vận chuyển và tái chế. + Ban hành quy chế quản lý chất thải xây dựng. + Xây dựng quy định quản lý bùn bể phốt. + Ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện các dự án chất thải rắn theo cơ chế phát triển sạch (CDM). + Ban hành các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật tái chế chất thải xây dựng, thu gom và xử lý bùn bể phốt, chất thải nguy hại. + Bổ sung, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bãi	khác và ứng phóvới biến đổi khíhậu; - Xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó tập trung vào: lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý mang tính chất vùng, liên vùng, xác định nhu cầu đầu tư, các dự án ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện; - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việctổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. c) Cơ chế, chính sách cho quản lý chất thải rắn: - Ưu tiên đầu tư cho các dự án mang tính cấp bách nhằm giải quyết ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; các dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn cấp vùng; - Ban hành các chính sách khuyến khích việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn. d) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quan trắc môi trường: - Xây dựng và hoàn thiện chế độ báo cáo về công tác quản lý chất thải rắn thống nhất trên cả nước; - Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cấp trung ương và địa phương (xây dựng phần mềm và đào tạo, tập huấn về công tác báo cáo, thực hiện); - Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng hệ thống các trạm quan trắc môi trường liên quan đến chất thải rắn trên toàn quốc. đ) Phát triển nguồn nhân lực: - Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ tham gia quản lý môi trường, chất thải rắn tại các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương. - Củng cố, mở rộng các trường đào tạo nghề, trung tâm dạy

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
chôn lấp và các công trình xử lý chất thải rắn thông thường và nguy hại. + Ban hành hướng dẫn kỹ thuật lập quy hoạch quản lý chất thải rắn. + Xây dựng quy định chế độ báo cáo định kỳ về quản lý chất thải rắn và các chỉ tiêu báo cáo. + Xây dựng quy định về quan trắc dữ liệu chất thải rắn. + Ban hành các quy định về khen thưởng và xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn. + Ban hành quy chế và các văn bản hướng dẫn thực hiện bảo vệ môi trường và quản lý chất thải rắn cho từng loại hình làng nghề điển hình. + Quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành liên quan, giữa cấp trung ương và cấp địa phương về quản lý chất thải rắn. + Xây dựng cơ chế quản lý chất thải rắn giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn. + Xây dựng quy định về tổ chức quản lý các khu xử lý chất thải rắn liên tỉnh và cơ chế phối hợp giữa các địa phương liên quan. - Quy hoạch quản lý chất thải rắn + Lập và thực hiện quy hoạch xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn cho các vùng kinh tế của cả nước. + Lập và thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn của tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước. + Rà soát việc thực hiện nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn trong quy hoạch đô thị và các điểm dân cư nông thôn. + Xây dựng và thực hiện quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn tới tận phường, xã và có biện pháp huy động vốn giải quyết vấn đề này.	nghề... nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, duy tu và bảo dưỡng các cơ sở xử lý chất thải rắn. - Tăng cường nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý từ Trung ương đến địa phương, các đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn. e) Nghiên cứu khoa học,hiện đại hoá công nghệ và sản xuất vật tư, trang bị, thiết bị: - Tăng cường nghiên cứu,áp dụng công nghệ tiên tiến về tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn,đặc biệt ưu tiên phát triển công nghệ chuyển hóa chất thải thành năng lượng, phát điện; - Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ về quản lý tổng hợp chất thải rắn và đặc biệt chú trọng tăng cường tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế sản xuất và đời sống; - Nghiên cứu và ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong việc lựa chọn công nghệ, thiết kế, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn. - Nghiên cứu cải tiến và ứng dụng các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm mỹ quan và hiệu quả sử dụng. g) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức - Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sởsản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu,phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, không đổ rác bừa bãi... - Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
- Thiết lập cơ sở dữ liệu và hệ thống quan trắc dữ liệu về chất thải rắn toàn quốc. + Điều tra, khảo sát, thu thập và phân tích, đánh giá các số liệu về chất thải rắn trong toàn quốc. + Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cấp trung ương và địa phương (xây dựng phần mềm và đào tạo). + Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng hệ thống các trạm quan trắc dữ liệu về chất thải rắn trên toàn quốc. - Xây dựng nguồn lực thực hiện Chiến lược + Huy động mọi nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn: ngân sách nhà nước, quỹ bảo vệ môi trường, các tổ chức và doanh nghiệp trong nước, nước ngoài... + Thành lập quỹ tái chế chất thải rắn nhằm hỗ trợ cho các hoạt động giảm thiểu và tái chế chất thải rắn. + Tìm kiếm hỗ trợ từ các nguồn vốn ODA, hay từ việc bán khí thải khi áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn theo cơ chế sạch hơn (Nghị định thư Kyoto)... + Đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ các cấp, từ trung ương đến cấp địa phương. - Thúc đẩy nghiên cứu khoa học để phục vụ hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn + Tiếp tục phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu về môi trường, thúc đẩy nghiên cứu khoa học về các giải pháp áp dụng quản lý tổng hợp chất thải rắn. Khuyến khích thành lập các bộ phận nghiên cứu và phát triển trong các doanh nghiệp nhằm cải tiến, thiết kế sản phẩm mới thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng. Thúc đẩy sự hợp tác gắn kết, chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan nghiên cứu và các doanh nghiệp. + Tăng cường nghiên cứu các công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện Việt Nam hướng đến tái sử dụng, tái chế, hạn	và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học; - Đưa nội dung quản lý chất thải rắn bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo đúng các quy định...vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng đào tạo cán bộ tại các cơ quan, công sở và doanh nghiệp. h) Hợp tác quốc tế: Tăng cường trao đổi và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về đạo tạo nâng cao năng lực, học tập kinh nghiệm,trợ giúp kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
chế tối đa lượng chất thải rắn phải chôn lấp. Tăng cường nghiên cứu cải tiến các công nghệ tái chế chất thải rắn tại các làng nghề hỗ trợ việc phổ biến, áp dụng để cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động xấu đến sức khoẻ của nhân dân. + Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu chính sách cũng như kỹ thuật và công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ về quản lý tổng hợp chất thải rắn và đặc biệt chú trọng tăng cường tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế sản xuất và đời sống. - Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức + Xây dựng và thực hiện các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư và các cơ sở kinh doanh, khuyến khích tham gia vào các hoạt động phân loại tại nguồn, giảm thiểu, tái chế tái sử dụng chất thải rắn, hạn chế sử dụng túi ni lông, không đổ rác bừa bãi... + Đưa giáo dục môi trường vào các cấp học với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi. + Tư vấn và hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy liên quan đến quản lý chất thải rắn. + Đưa nội dung quản lý chất thải rắn vào nội dung đào tạo, tập huấn quản lý doanh nghiệp (ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn, sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo đúng các quy định...). + Thực hiện các hoạt động thí điểm, các sáng kiến giúp quản lý chất thải rắn tốt hơn. - Hợp tác quốc tế Tăng cường trao đổi và hợp tác kỹ thuật với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nhằm: + Trao đổi và học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.	

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
+ Đầu tư xây dựng hạ tầng chất thải rắn. + Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo quản lý chất thải rắn. + Nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn. 5. Chương trình thực hiện Chiến lược Phê duyệt về nguyên tắc các chương trình thực hiện Chiến lược ở Phụ lục kèm theo.	
Điều 2. Tổ chức thực hiện Chiến lược 1. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ: Điều phối việc triển khai thực hiện các nội dung Chiến lược; hướng dẫn, chỉ đạo và tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý chất thải rắn; tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch quản lý chất thải rắn cho các vùng, liên tỉnh, liên đô thị và vùng đặc thù. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược trình duyệt theo quy định. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bên liên quan thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng, ban hành các chính sách, cơ chế, công cụ về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, phân loại chất thải rắn tại nguồn; xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên toàn quốc; xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường về chất thải rắn, các hướng dẫn kỹ thuật về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải; thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp chất thải rắn; theo dõi, giám sát tình hình ô nhiễm môi trường do chất	**Điều 2.** Tổ chức thực hiện Chiến lược 1. Bộ Xây dựng: - Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm các mục tiêu và các giải pháp của Điều chỉnh Chiến lược. - Hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch quản lý chất thải rắn ở địa phương phù hợp với mục tiêu của Điều chỉnh Chiến lược; - Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các định mức kinh tế kỹ thuật, suất vốn đầu tư và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; - Nghiên cứu, sửa đổi, thay thế Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường: - Xây dựng, ban hành các chính sách, cơ chế, công cụ về

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
thải rắn trên toàn quốc; phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong việc điều phối, thực hiện các nội dung của Chiến lược và tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược. 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm huy động, tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; phân bổ vốn ngân sách hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án về quản lý tổng hợp chất thải rắn của Chiến lược. 4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, phí trong lĩnh vực quản lý tổng hợp chất thải rắn; bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động quản lý tổng hợp chất thải rắn. 5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức nghiên cứu, chuyển giao các công nghệ xử lý, công nghệ chế tạo, sản xuất các thiết bị và vật liệu mới phục vụ cho lĩnh vực quản lý tổng hợp chất thải rắn. 6. Bộ Công thương có trách nhiệm: Hỗ trợ các doanh nghiệp, các chủ nguồn thải thực hiện các kế hoạch ngăn ngừa và giảm thiểu chất thải, thúc đẩy áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống quản lý môi trường ISO14000; xây dựng và triển khai quy hoạch phát triển ngành công nghiệp môi trường trong đó có công nghiệp tái chế chất thải. 7. Bộ Y tế chịu trách nhiệm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất thải y tế trên toàn quốc. 8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn cho các điểm dân cư nông thôn và làng nghề. 9. Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm	phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nguy hại và các chất thải rắn khác theo quy định của pháp luật; - Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên toàn quốc; - Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường về chất thải rắn; - Theo dõi, giám sát tình hình ô nhiễm môi trường do chất thải rắn trên toàn quốc. 3. Các Bộ, ngành liên quan: Các Bộ, ngành căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, lập kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai chương trình này. 4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: -Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Điều chỉnh Chiến lược sau khi được phê duyệt; - Tổ chức chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn; Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt; - Ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn tại địa phương; Xây dựng và ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. - Chỉ đạo thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; - Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền; - Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm

Nội dung chiến lược 2009	Dự thảo Điều chỉnh Chiến lược
nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường nói chung, quản lý tổng hợp chất thải rắn nói riêng. 10. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá, biên soạn và đưa các nội dung giáo dục về môi trường và quản lý tổng hợp chất thải rắn vào chương trình của các cấp học. 11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; ban hành các chính sách ưu đãi cụ thể trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn tại địa phương; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế đấu thầu hoặc đặt hàng đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; chỉ đạo thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; kiện toàn tổ chức và sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước hoạt động dịch vụ công ích trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm minh các vi phạm trong quản lý chất thải rắn; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân về quản lý tổng hợp chất thải rắn và bảo vệ môi trường trên địa bàn.	của các đơn vị, cá nhân về quản lý tổng hợp chất thải rắn và bảo vệ môi trường trên địa bàn.
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	**Điều 4.** Hiệu lực thi hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Các Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.